

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2022
V/v “Ly hôn và tranh chấp nuôi con
giữa chị Nguyễn Thị Mộng N và
anh Dương Thanh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Ân

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:
không tham gia phiên tòa

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1978 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Anh Dương Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mộng N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Dương Thanh T chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh vào ngày 16/9/2004. Trong quá trình chung sống chị và anh Dương Thanh T có 01 con chung tên

Dương Hoàng B, sinh ngày 16/8/2011 hiện con đang sống với chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, chung sống không hạnh phúc, không có sự quan tâm chăm lo cho nhau, nên đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay. Nay chị có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N yêu cầu ly hôn với anh Dương Thanh T.

Về con chung: chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Dương Hoàng B, sinh năm 2011 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra chị N không còn yêu cầu gì khác.

Anh Dương Thanh T là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai như sau: Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Ngãi vào ngày 16/9/2004. Anh và chị N chung sống có 01 con chung tên Dương Hoàng B, sinh ngày 16/8/2011. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng anh chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh và chị N đã không còn chung sống với nhau. Nay anh thống nhất đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng N.

Về con chung: anh T đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh T khai không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mộng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Thanh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị N và anh T vắng mặt nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Dương Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Dương Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Ngãi vào ngày 16/9/2004 nên được công nhận là hôn nhân đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn

được nên kiên quyết xin ly hôn với anh Dương Thanh T, đồng thời theo lời khai của anh T tại bản tự khai ngày 01 tháng 12 năm 2021, anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh T thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Dương Thanh T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Dương Thanh T trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Dương Hoàng B, sinh ngày 16/8/2011 hiện nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Dương Hoàng B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi Dương Hoàng B. Đồng thời theo lời khai tại bản tự khai ngày 01 tháng 12 năm 2021 của anh T thì anh cũng đồng ý giao con chung tên Dương Hoàng B cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Hoàng B, khi cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị N và anh T không còn chung sống với nhau cháu Dương Hoàng B được chị N nuôi dạy tốt, không bị ngược đãi, đánh đập gì. Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Dương Hoàng B cho chị Nguyễn Thị Mộng N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền được tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mộng N đã được nghe Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị Nguyễn Thị Mộng N xác định là một mình chị vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt nên chị N không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là Dương Hoàng B, sinh ngày 16/8/2011 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mộng N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Dương Thanh T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Dương Thanh T. Giao cháu Dương Hoàng B, sinh ngày 16/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Mộng N tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Dương Hoàng B, sinh ngày 16/8/2011.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007713 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mộng N, anh Dương Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- UBND xã Tam Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Trúc Linh

